

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-11-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tố

2. Ông Trương Ngọc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Th, sinh năm 1983 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố TĐ, phường HH, thị xã H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Th trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) HH vào ngày xx/xx/2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số xxx quyền số 01 ngày xx/xx/2007). Sau một thời gian chung sống, chị H tự ý vay tiền của nhiều người rồi bỏ nhà đi từ ngày 16/5/2020 đến nay. Vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm liên lạc gì với nhau. Nay anh Th yêu cầu ly hôn chị H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Th sinh ngày

28/02/2009 và Nguyễn Ngọc B sinh ngày 16/6/2012. Hiện hai con đang ở với anh Th. Khi ly hôn anh Th yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị H không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của anh Th, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo.

+ *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo qui định của pháp luật. Vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm qui định tại Điều 203 của Bộ luật dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Th, cho ly hôn với chị H; giao con chung cho anh Th nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con; về tài sản: không yêu cầu; anh Th phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn chị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu phố TĐ, phường HH, thị xã H, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, theo qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Qua xác minh tại Công an thị xã Hoài Nhơn thì chị H có hộ khẩu thường trú tại khu phố TĐ, phường HH, thị xã H, tỉnh B, tàng thư không có thông tin, tài liệu thể hiện chị H đã chuyển khẩu đi nơi khác và nơi cư trú hiện nay của chị H. Vì chị H thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ khi nào trở về nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng để chị H biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Trong thời gian giải quyết vụ án, chị H không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của chị H liên quan đến yêu cầu của anh Th được. Chị H không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật nên phải chịu

trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo qui định của pháp luật.

[4] Về hôn nhân: Anh Th và chị H đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2020 đến nay, chị H bỏ đi và cũng không quan tâm đến anh Th. Vợ chồng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Có thể thấy, hôn nhân giữa chị H và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Th ly hôn chị H.

[5] Việc nuôi con sau khi ly hôn: Hai con chung của anh Th chị H thời gian qua ở với anh Th, do anh Th chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, cuộc sống ổn định của hai cháu và cũng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên giao cháu Th và cháu B cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Th không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con, đây là sự tự nguyện của anh nên được ghi nhận.

[7] Về tài sản: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì anh Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Th. Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Th và chị Phạm Thị H.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Ngọc Th sinh ngày 28/02/2009 và cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 16/6/2012 cho anh Nguyễn Th trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Th không yêu cầu chị Phạm Thị H cấp dưỡng cho con.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

5. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh Th đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000500 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định nên được khấu trừ, anh Th đã nộp đủ.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng